

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LIÊN CHIỀU
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2019/ HSST
Ngày 23- 01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Minh Trí

Ông Ngô Văn Sỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Khuất Duy Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa có: Ông Huỳnh Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2018/ HSST ngày 03 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

01. Phan Thị Thu T. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 01/6/1990, tại TP. Đ. Ở: Tổ 39, P. H, Q. L, TP. Đ. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh dịch vụ Internet.

Con ông: Phan Văn X (SN: 1945) và bà Nguyễn Thị H (SN: 1946).

Chồng Nguyễn Thành N (chết 10/2016), có 02 con nhỏ SN: 2011 và 2015.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

02. Lê Phước C. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 16/5/1992, tại TP. Đ. Ở: Tổ 141, P. H Q. L, TP. Đ. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe.

Con ông: Lê Văn C (SN: 1971) và bà Phạm Thị Thu H (SN: 1970).

Vợ Nguyễn Thị Kiều T (SN 1993). Có 02 con nhỏ SN 2011 và 2014.

Tiền án: Ngày 28/6/2017, bị TAND quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại Khoản 1, Điều 250 BLHS 1999, thời gian thử thách 18 tháng.

Tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/6/2018, có mặt.

* **Người bị hại:** Em Đoàn Ngọc T – Sinh ngày: 20/12/2001. Người đại diện hợp pháp của em Đoàn Ngọc T là ông Đoàn Ngọc T – Sinh năm: 1968 và bà Trần Thị H – Sinh năm: 1970. Cùng trú tại: Khối 6, thị trấn K, huyện P, tỉnh Q, vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Thị Thu T nghi ngờ em Đoàn Ngọc T và bạn cùng chơi game với em T trước đó đã lấy trộm CPU máy vi tính của T tại tiệm Internet T. Khoảng 18h00’ ngày 18/5/2018, T rủ Lê Phước C đi tìm em T để hỏi rõ việc em T có lấy trộm CPU của T hay không, C đồng ý. Sau đó, T giao xe mô tô hiệu Sh Mode, BKS 43F1-265.25 cho C điều khiển chở T đi tìm em T. Đến khoảng 20h00’ cùng ngày, T và C phát hiện em T đang chơi game tại quán Internet CYBER (số 22 Trần Văn Kỷ, P. Hòa Khánh Nam, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng) nên dừng xe lại. T đứng bên ngoài, C đi vào trong quán gọi em T ra. Tại đây, T hỏi em T có lấy trộm CPU của T không, em T trả lời không lấy thì bị C dùng tay đánh 02 cái và dùng chân đá 01 cái vào người em T. Sợ ồn ào, T yêu cầu em T lên xe để họ chở đi, em T lên xe ngồi giữa, C điều khiển xe mô tô, T ngồi phía sau rồi cùng đi đến quán Internet T. Trên đường đi, C dùng cùi chỏ dọa đánh em T và yêu cầu em T gọi điện cho 02 người bạn của em T đến giải quyết, em T không gọi được cho bạn. Tại quán Internet T, T và C tiếp tục yêu cầu em T gọi điện cho bạn, nhưng họ không đến. Sau đó, T và C tiếp tục chở em T đến nhà T tại K1/H108/36 Phạm Như X, P. H, Q. L. Tại đây, T và C hăm dọa, buộc em T phải thừa nhận đã trộm cắp CPU của T và ép buộc em T viết bản tường trình với nội dung đã lấy trộm CPU của T và hứa sẽ bồi thường số tiền 10.000.000đ (T chuẩn bị giấy và viết, C đọc nội dung cho em T viết). Sau đó, C tiếp tục yêu cầu em T gọi điện thoại cho gia đình mang tiền đến trả cho T thì mới thả về. Cùng lúc này, bà Trần Thị H mẹ ruột anh T) gọi điện cho em T, em T kể lại sự việc; bà H nói em T đưa điện thoại cho C để nói chuyện; C nói cho bà H nội dung vụ việc và yêu cầu bà H mang tiền đến bồi thường thì mới cho em T về. Nghe vậy, bà H sợ em T bị đánh nên đồng ý trả và hẹn sáng mai sẽ mang tiền để trả cho T. Sau đó, T lấy bản tường trình em T vừa viết xong và điện thoại (hiệu Nokia 105) của em T cất giữ rồi dùng khóa cửa lại nhốt em T trong nhà và cùng C ra ngoài ăn tối. Đến khoảng 21h00’ cùng ngày, quần chúng nhân dân trình báo vụ việc với Công an phường Hòa Khánh Nam. Quá trình điều tra, Phan Thị Thu T và Lê Phước C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

* Theo Kết luận số: 127/KL-HĐĐG ngày 05/11/2018 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng quận Liên Chiểu, xác định: Giá trị sử dụng còn lại của 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 105 màu xanh đen là 150.000đ.

*** Vật chứng thu giữ:**

- 01 bản tường trình (bản gốc) của Đoàn Ngọc T;
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Sh Mode BKS 43F1-265.25 (xe này do Phan Thị Thu T đứng tên chủ sở hữu).

Về dân sự: Người bị hại đã nhận chi phí bồi thường là 15.000.000 đồng và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bản cáo trạng số 116/CT - VKS ngày 30/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng truy tố các bị cáo về tội ***“Bắt giữ người trái pháp luật”*** quy định tại Khoản 2, Điều 157 Bộ luật hình sự và tội ***“Cưỡng đoạt tài sản”*** quy định tại Khoản 1, Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng.

- Đối với bị cáo Phan Thị Thu T: Áp dụng Điểm e, Khoản 2, Điều 157; Khoản 1, Điều 170; Điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51 BLHS đề nghị HĐXX xử phạt:

+ Từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù giam về tội ***“Bắt giữ người trái pháp luật”***.

+ Từ 12 tháng đến 15 tháng tù giam về tội ***“Cưỡng đoạt tài sản”***.

Căn cứ Điều 55 BLHS đề nghị HĐXX tổng hợp, tuyên buộc Phan Thị Thu Trinh phải chấp hành hình phạt chung cho 02 tội ***“Bắt giữ người trái pháp luật”*** và ***“Cưỡng đoạt tài sản”*** theo quy định pháp luật.

- Đối với Lê Phước C: Áp dụng Điểm e, Khoản 2, Điều 157; Khoản 1, Điều 170; Điểm b, s Khoản 1, 2, Điều 51, điểm h Điều 52 BLHS đề nghị HĐXX xử phạt:

+ Từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù giam về tội ***“Bắt giữ người trái pháp luật”***;

+ Từ 15 đến 18 tháng tù giam về tội ***“Cưỡng đoạt tài sản”***.

Áp dụng Điều 55, Điều 56 BLHS đề nghị HĐXX tổng hợp, tuyên buộc Lê Phước C phải chấp hành hình phạt chung cho 02 tội ***“Bắt giữ người trái pháp luật”***, ***“Cưỡng đoạt tài sản”*** và 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội ***“Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”*** tại Bản án số: 50/2017/HSST ngày 28/6/2017 của TAND quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng theo quy định pháp luật.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS, đề nghị HĐXX tuyên: + Tiếp tục quy trữ tại hồ sơ vụ án: 01 bản tường trình (bản gốc) của em Đoàn Ngọc Thiên;

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu Sh Mode, BKS 43F1-265.25.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo Phan Thị Thu T nói lời sau cùng: Bị cáo chưa lần nào vi phạm pháp luật, phạm tội lần này do bị cáo không am hiểu pháp luật. Nay bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là trái quy định pháp luật. Bị cáo đã thực sự ăn năn hối cải nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo sớm về nuôi hai con nhỏ.

Bị cáo Lê Phước C nói lời sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo đã thực sự ăn năn hối cải nên xin giảm hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Liên Chiểu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xác định tội phạm: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Do nghi ngờ em Đoàn Ngọc T (người dưới 18 tuổi) trộm cắp CPU tại tiệm Internet của mình nên bị cáo T rủ bị cáo C đi tìm em T và một số người bạn của T để hỏi T có trộm hay không. Khi T và C phát hiện em T đang chơi game tại 22 Trần Văn K, Đà Nẵng. Bị cáo C vào quán yêu cầu em T ra ngoài. Tại đây, C dùng chân tay đánh em T, gây áp lực để tra khảo em T có trộm CPU không. Tiếp đó, ép em T lên xe để T, C đưa về quán Internet của T tại 147 Hoàng Văn Thái, Đà Nẵng. Sau đó, tiếp tục đưa em T về nhà riêng của T tại K1/H108/36 Phạm Như Xương, Đà Nẵng, khóa cửa lại, nhốt em T trong nhà khoảng 30 phút. Như vậy, hành vi của các bị cáo T, C đã hoàn thành tội “Bắt giữ người trái pháp luật” như Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đã truy tố các bị cáo theo điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật.

Ngoài ra, trong quá trình bắt giữ em T trái pháp luật, các bị cáo T, C buộc em T phải viết bản tường trình có nội dung em T phải bồi thường 10.000.000 đồng tiền trộm CPU cho T và chiếm đoạt của em T 01 điện thoại di động trị giá 150.000 đồng. Tổng giá trị các bị cáo đã chiếm đoạt là 10.150.000 đồng. Do đó, các bị cáo còn phạm vào tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất mức độ, hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền thân thể, tự do đi lại của người bị hại và quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Trong vụ án này, có hai bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, không có cấu kết chặt chẽ, không phân công nhiệm vụ trước.

Bị cáo T là người yêu cầu bị cáo C đưa em T từ 22 Trần Văn Kỷ đến 147 Hoàng Văn Thái rồi tiếp tục yêu cầu C đưa về nhà tại K1/H108/36 Phạm Như Xương. Bị cáo T chuẩn bị giấy và viết để C đọc nội dung cho em T viết. Còn đối với bị cáo C, sau khi tiếp nhận yêu cầu của bị cáo T, bị cáo đã giúp sức tích cực, chủ động thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo là người dùng vũ lực, trực tiếp điều khiển xe mô tô chở em T. Bị cáo yêu cầu em T gọi điện thoại cho bà H và trực tiếp nói chuyện với bà H yêu cầu bà H mang tiền đến bồi thường cho T. Như vậy, trong việc thực hiện tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, bị cáo C giữ vai trò quyết liệt hơn, tích cực hơn bị cáo T. Mặt khác, bị cáo C có nhân thân xấu, phạm tội lần này thuộc trường hợp “*tái phạm*” được quy định tại điểm h khoản 2 Điều 52 BLHS. Vì vậy, đối với tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*” cần áp dụng hình phạt bằng nhau giữa các bị cáo và đối với tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” cần áp dụng hình phạt đối với bị cáo C nặng hơn so với bị cáo T.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo C đã tác động gia đình cùng với bị cáo T bồi thường thiệt hại cho người bị hại và được người bị hại xem giảm nhẹ hình phạt. Ngoài ra, các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, chồng bị cáo T đã chết, hiện bị cáo T đang nuôi con nhỏ. Do đó, cần áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS và áp dụng Điều 54 BLHS để xem xét mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt của hai tội với bị cáo T và tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*” với bị cáo C.

Trong quá trình phạm tội, bị cáo C có hành vi dùng vũ lực đối với em T nhưng em T không yêu cầu giám định thương tích nên HĐXX không xem xét.

[4] Về Xử lý vật chứng:

Xe mô tô nhãn hiệu SH Mode, BKS 43F1-265.25 thuộc sở hữu của bị cáo Phan Thị Thu T. Bị cáo T dùng xe này để thực hiện hành vi phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS tịch thu, sung công quỹ Nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm nên HĐXX không xem xét.

* Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phan Thị Thu T, Lê Phước C phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và “Cưỡng đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phan Thị Thu Tr 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phan Thị Thu T 09 (Chín) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành là 27 tháng tù, tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Phước C 18 tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Phước C 12 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội là 30 tháng tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, chuyển 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thành 09 tháng tù giam về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tại Bản án số 50/2017/BA – HSST ngày 28/6/2017 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu. Tổng hợp hình phạt bị cáo Lê Phước C phải chấp hành là 39 tháng, tính từ ngày 22/6/2018.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS tịch thu, sung công quỹ Nhà nước xe mô tô nhãn hiệu SH Mode, BKS 43F1-265.25 thuộc sở hữu của bị cáo Phan Thị Thu Th(hiện đang tạm giữ tại Chi cục THADS quận Liên Chiểu theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/12/2018).

3. Án phí: Buộc bị cáo Phan Thị Thu T phải nộp 200.000 đồng.

Buộc bị cáo Lê Phước C phải nộp 200.000 đồng

Quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại, đại diện hợp pháp người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Công an quận Liên Chiểu;
- Chi cục THA. quận Liên Chiểu;
- Các bị cáo;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Vinh